

Phụ lục I
TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT THUẾ
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(kèm theo Thông tư số 94/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
(1)	(2)	(3)
1	Tình trạng hoạt động của người nộp thuế	Trạng thái hoạt động
2		Số lần tạm ngừng kinh doanh
3		Số lần thay đổi địa điểm kinh doanh
4		Số lần thay đổi địa điểm kinh doanh nhưng còn nợ thuế
5	Thông tin của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế	Người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế đồng thời hoặc đã từng là người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế thuộc danh sách rủi ro về thuế
6	Tình hình kê khai và nộp hồ sơ khai thuế	Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế đã nộp trên số hồ sơ khai thuế phải nộp
7		Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế nộp đúng hạn trên số hồ sơ khai thuế đã nộp
8		Người nộp thuế có điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế
9	Tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước	Số thuế đã nộp ngân sách nhà nước
10		Biến động số thuế đã nộp ngân sách nhà nước
11	Tình hình sử dụng hóa đơn	Số lần người nộp thuế bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
12		Số tiền người nộp thuế bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
13		Người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn
14		Người nộp thuế xuất hóa đơn vượt ngưỡng an toàn
15	Mức độ vi phạm hành chính về thuế	Tổng số lần người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
16		Tổng số tiền người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế
17		Tổng số lần người nộp thuế bị cơ quan thuế xử lý vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
18	Tình hình nợ thuế	Tuổi nợ
19		Tần suất phát sinh nợ
20		Tổng số thuế nợ
21		Biến động tổng số thuế nợ
22		Tính chất khoản nợ
23		Số lần bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế
24		Hành vi phát tán tài sản
25	Chỉ số hoạt động	Chỉ số hoạt động của người nộp thuế
26	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử về sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế
27	Doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đáng ngờ	Giao dịch qua ngân hàng, tổ chức tín dụng khác có dấu hiệu đáng ngờ
28	Nhóm tiêu chí khác	Tiêu chí khác

Phụ lục II
TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ RỦI RO ĐỐI VỚI
NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH,
HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

(kèm theo Thông tư số 94 /2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	
(1)	(2)	(3)	
1	Thông tin chung về người nộp thuế	Thời gian thành lập	
2		Thời gian hoạt động	
3		Địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh	
4		Loại hình kinh tế	
5		Ngành nghề kinh doanh	Ngành nghề đăng ký kinh doanh
6			Ngành nghề kinh doanh chính
7		Số vốn đăng ký	Vốn điều lệ
8			Vốn chủ sở hữu
9		Mức độ tương xứng giữa nhân viên với tính chất, quy mô người nộp thuế	
10		Thông tin về kế toán trưởng của người nộp thuế	
11	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử về sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế.	
12	Thông tin của người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế	Mức độ vi phạm pháp luật thuế của người đại diện theo pháp luật	
13		Tính đầy đủ của thông tin người đại diện theo pháp luật	
14		Địa chỉ đăng ký thường trú, tạm trú của người đại diện theo pháp luật	

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
15		Thông tin doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh mà cá nhân là người đại diện theo pháp luật
16		Tuổi của người đại diện theo pháp luật
17		Thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người đại diện theo pháp luật
18	Thông tin về nhân thân các thành viên sáng lập, chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế	Thông tin về nhân thân các thành viên sáng lập, chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế
19	Tình trạng hoạt động của người nộp thuế	Trạng thái hoạt động
20		Số lần tạm ngừng kinh doanh
21		Thời gian tạm ngừng kinh doanh
22		Số lần thay đổi địa điểm kinh doanh
23		Số lần thay đổi địa điểm kinh doanh nhưng còn nợ thuế
24	Tình hình kê khai và nộp hồ sơ khai thuế	Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế đã nộp trên số hồ sơ khai thuế phải nộp
25		Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế nộp đúng hạn trên số hồ sơ khai thuế đã nộp
26		Người nộp thuế có điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế
27		Tất cả các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế bằng 0
28	Báo cáo tài chính được kiểm toán	Ý kiến của kiểm toán báo cáo tài chính
29		Tình hình nộp báo cáo tài chính được kiểm toán
30	Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ
31		Biến động doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ
32		Doanh thu thuần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
33		Biến động doanh thu thuần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ
34		Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%
35		Biến động doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%
36		Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng
37		Biến động doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng
38		Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế giá trị gia tăng
39		Biến động doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế giá trị gia tăng
40		Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào
41	Chi phí của người nộp thuế	Biến động của tổng giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào
42		Tổng chi phí
43		Biến động tổng chi phí
44		Chi phí bán hàng
45		Biến động chi phí bán hàng
46		Chi phí quản lý doanh nghiệp
47		Biến động chi phí quản lý doanh nghiệp
48		Chi phí lãi vay
49		Biến động chi phí lãi vay
50		Giá vốn hàng bán
51		Biến động giá vốn hàng bán
52		Chi phí khác
53		Biến động chi phí khác
54	Lợi nhuận của người nộp thuế	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp
55		Biến động tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp
56		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
57		Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
58		Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh
59		Biến động lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh
60		Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
61		Biến động lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
62		Tổng số lỗ
63		Số lần kê khai lỗ
64		Người nộp thuế lỗ liên tục nhưng vẫn mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh
65	Tài sản của người nộp thuế	Tài sản ngắn hạn
66		Biến động tài sản ngắn hạn
67		Tài sản dài hạn
68		Biến động tài sản dài hạn
69		Tài sản cố định
70		Biến động tài sản cố định
71		Tổng tài sản
72		Biến động tổng tài sản
73	Khả năng thanh toán của người nộp thuế	Nợ phải trả
74		Biến động nợ phải trả
75		Nợ ngắn hạn
76		Biến động nợ ngắn hạn
77		Nợ dài hạn
78		Biến động nợ dài hạn
79	Các khoản mục tài chính trọng yếu của người nộp thuế	Phải trả người bán
80		Biến động khoản phải trả người bán
81		Người mua trả tiền trước
82		Biến động khoản người mua trả tiền trước
83		Các khoản dự phòng
84		Biến động các khoản dự phòng
85		Vốn chủ sở hữu
86		Biến động vốn chủ sở hữu
87		Hàng tồn kho

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
88		Biến động hàng tồn kho
89		Các khoản mục tài chính trọng yếu khác của người nộp thuế
90		Biến động các khoản mục tài chính trọng yếu khác của người nộp thuế
91	Tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước	Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước
92		Biến động số tiền phải nộp ngân sách nhà nước
93		Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước
94		Biến động số tiền đã nộp ngân sách nhà nước
95		Số thuế được miễn, giảm
96		Biến động số thuế được miễn, giảm
97		Số thuế được hoàn
98		Biến động số thuế được hoàn
99		Số thuế đề nghị hoàn
100		Biến động số thuế đề nghị hoàn
101		Số thuế thu hồi sau hoàn thuế
102		Biến động số thuế thu hồi sau hoàn thuế
103		Số thuế không được hoàn chuyển khấu trừ
104		Biến động số thuế không được hoàn chuyển khấu trừ
105		Số lần đề nghị hoàn
106		Tỷ lệ số lần cơ quan thuế ban hành quyết định hoàn thuế /số lần đề nghị hoàn thuế
107		Tỷ lệ số lần cơ quan thuế ban hành thông báo không hoàn thuế/số lần đề nghị hoàn thuế
108	Thuế giá trị gia tăng	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra
109		Biến động thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra
110		Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào
111		Biến động thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào
112		Thuế giá trị gia tăng phát sinh
113		Biến động thuế giá trị gia tăng phát sinh
114		Thuế giá trị gia tăng phải nộp

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
115		Biến động thuế giá trị gia tăng phải nộp
116		Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau
117		Số thuế giá trị gia tăng đã nộp
118		Biến động số thuế giá trị gia tăng đã nộp
119		Số thuế giá trị gia tăng kê khai điều chỉnh tăng/giảm
120		Biến động số thuế giá trị gia tăng kê khai điều chỉnh tăng/giảm
121	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
122		Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
123		Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp
124		Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp
125		Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi, miễn giảm
126		Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi, miễn giảm
127		Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp
128		Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp
129		Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp
130		Biến động điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp
131		Việc trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ
132	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp
133		Biến động số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp
134		Số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ
135		Biến động số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ
136		Số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp
137		Biến động số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
138		Biến động lượng nguyên liệu trên một đơn vị sản phẩm tiêu thụ
139		Chênh lệch không được khấu trừ giữa số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu với số thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra trong nước
140	Thuế thu nhập cá nhân	Tổng số người lao động
141		Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế
142		Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh
143		Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân
144		Biến động tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân
145		Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế
146		Biến động tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế
147		Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ
148		Biến động Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ
149	Các khoản thu liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thửa đất, tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng nhiều lần
150		Có sự sai lệch giữa thông tin người nộp thuế kê khai và thông tin cơ quan thuế thu thập được
151		Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đến hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận không đầy đủ thành phần, thông tin
152		Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế có số thuế miễn giảm, các khoản giảm trừ hoặc số thuế đề nghị miễn giảm
153		Hồ sơ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất
154	Tình hình nợ thuế của người nộp thuế	Tuổi nợ
155		Tần suất phát sinh nợ
156		Tổng số thuế nợ
157		Biến động tổng số thuế nợ
158		Tính chất khoản nợ

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
159		Số lần bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế
160		Hành vi phát tán tài sản
161	Mức độ vi phạm hành chính về thuế	Tổng số lần người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế
162		Tổng số tiền người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế
163		Tổng số lần người nộp thuế bị cơ quan thuế xử lý vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
164	Tính chất, mức độ vi phạm phát hiện qua kiểm tra	Kỳ đã được kiểm tra gần nhất
165		Số lần vi phạm pháp luật thuế phát hiện qua kiểm tra
166		Số thuế phải nộp điều chỉnh tăng, giảm; ấn định; giảm khấu trừ, giảm lỗ; số thuế được miễn, giảm cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra thuế
167		Số thuế truy thu, số thuế không được hoàn, số thuế truy hoàn, ấn định, tiền phạt, tiền chậm nộp cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra thuế
168	Tình hình sử dụng hóa đơn	Số lượng hóa đơn người nộp thuế sử dụng, thay thế, điều chỉnh
169		Giá trị hóa đơn người nộp thuế sử dụng, thay thế, điều chỉnh
170		Số lần người nộp thuế bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
171		Số tiền người nộp thuế bị xử phạt vi phạm về hóa đơn
172		Người nộp thuế có hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn
173		Người nộp thuế sử dụng hóa đơn của người nộp thuế trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
		số thuế; tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
174		Người nộp thuế xuất hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ cho người nộp thuế trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký
175	Doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đáng ngờ	Phát sinh giao dịch chuyển nhượng vốn, liên doanh, liên kết
176		Chi phí lãi vay không được trừ đối với giao dịch liên kết
177		Giao dịch qua ngân hàng, tổ chức tín dụng khác có dấu hiệu đáng ngờ
178		Thông tin về doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan đến người nộp thuế
179	Thu nhập từ kinh doanh qua mạng	Thu nhập của hộ kinh doanh, cá nhân cư trú kinh doanh qua mạng
180	Thu nhập khác	Thu nhập trả qua ví điện tử như Paypal, thu nhập từ các kênh như Google, Youtube...
181	Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế đối với người nộp thuế	Mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế
182	Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật, phân loại rủi ro người nộp thuế của các cơ quan liên quan	Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan, kế toán, thống kê tài chính doanh nghiệp và phân loại rủi ro người nộp thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
183	Dấu hiệu rủi ro theo từng thời kỳ	Mục tiêu, yêu cầu của quản lý thuế trong từng thời kỳ
184		Lựa chọn ngẫu nhiên theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
185	Các dấu hiệu rủi ro theo luật định	Dấu hiệu rủi ro của người nộp thuế được quy định tại các chính sách thuế và chính sách liên quan khác
186	Chi tiêu đánh giá khác	Việc chấp hành pháp luật thuế, pháp luật về hải quan, kế toán, thống kê, tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan
187		Thông tin về đầu tư, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá dịch vụ
188		Dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế khác
189		Tình hình chi trả cổ tức cho cổ đông
190		Mặt hàng kinh doanh của người nộp thuế
191		Các tiêu chí đánh giá khác

Phụ lục III
TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ RỦI RO ĐỐI VỚI
NGƯỜI NỘP THUẾ LÀ CÁ NHÂN
(kèm theo Thông tư số 94 /2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
1	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế	Người nộp thuế tự nguyện đăng ký tuân thủ pháp luật thuế, sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử về sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế
2	Tình hình kê khai và nộp hồ sơ khai thuế	Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế đã nộp trên số hồ sơ khai thuế phải nộp
3		Tỷ trọng số hồ sơ khai thuế nộp đúng hạn trên số hồ sơ khai thuế đã nộp
4		Người nộp thuế có điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế
5	Thu nhập từ tiền lương, tiền công	Người nộp thuế có từ hai (02) nguồn thu nhập trở lên
6		Tổng thu nhập chịu thuế
7		Biến động tổng thu nhập chịu thuế
8		Người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc
9		Người nộp thuế kê khai trùng người phụ thuộc
10		Người nộp thuế kê khai người phụ thuộc trong độ tuổi lao động
11		Tổng thu nhập tính thuế
12		Biến động tổng thu nhập tính thuế
13		Tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh/phải nộp
14		Biến động tổng số thuế thu nhập cá nhân phát sinh/phải nộp
15		Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp
16		Biến động tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp

Số TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
17		Tổng số thuế thu nhập cá nhân được giảm trừ
18		Biến động tổng số thuế thu nhập cá nhân được giảm
19	Chứng từ khấu trừ thuế	Chứng từ khấu trừ thuế không tồn tại trên hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế, chứng từ khấu trừ không đúng tên người nộp thuế, không trùng mã số thuế trên tờ khai có số thuế đề nghị hoàn
20	Các khoản thu liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất	Thửa đất, tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng nhiều lần
21		Có sự sai lệch giữa thông tin người nộp thuế kê khai và thông tin cơ quan thuế thu thập được
22		Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đến hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận không đầy đủ thành phần, thông tin
23		Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ khai thuế có số tiền miễn giảm, các khoản giảm trừ hoặc đề nghị miễn giảm
24		Hồ sơ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất
25		Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất
26		Giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng
27		Thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với chuyển nhượng bất động sản
28		Thu nhập miễn thuế
29		Thuế thu nhập cá nhân được miễn
30		Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp
31		Không có tờ khai thuế thu nhập cá nhân khi có thông tin về thay đổi thành viên góp vốn

Số TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
32	Đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (bao gồm chuyển nhượng vốn góp, chuyển nhượng chứng khoán)	Có sự sai lệch giữa thông tin người nộp thuế kê khai và cơ sở dữ liệu quản lý thuế hoặc thông tin cơ quan thuế thu thập được
33		Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp
34		Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ chuyển nhượng vốn góp
35		Giá chuyển nhượng chứng khoán
36		Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp từ chuyển nhượng chứng khoán
37	Tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước	Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước
38		Biến động số tiền phải nộp ngân sách nhà nước
39		Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước
40		Biến động số tiền đã nộp ngân sách nhà nước
41		Số thuế được miễn giảm
42		Biến động số thuế được miễn giảm
43		Số thuế được hoàn
44		Biến động số thuế được hoàn
45		Số thuế không được hoàn
46		Biến động số thuế không được hoàn
47		Số thuế đề nghị hoàn
48		Biến động số thuế đề nghị hoàn
49		Số thuế thu hồi sau hoàn thuế
50		Biến động số thuế thu hồi sau hoàn thuế
51		Cá nhân hoàn thuế nhiều năm liên tiếp với số tiền lớn; thay đổi số tài khoản nhận hoàn nhiều lần
52	Tình hình nợ thuế của người nộp thuế	Tuổi nợ
53		Tần suất phát sinh nợ
54		Tổng số thuế nợ
55		Tính chất khoản nợ

Số TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
56		Số lần bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế
57		Tổng số lần người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế
58	Mức độ vi phạm hành chính về thuế	Tổng số tiền người nộp thuế bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế
59		Tổng số lần người nộp thuế bị cơ quan quản lý thuế xử lý vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành quyết định kiểm tra, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
60		Kỳ đã được kiểm tra gần nhất
61		Số lần vi phạm pháp luật thuế phát hiện qua kiểm tra
62	Tính chất, mức độ vi phạm phát hiện qua kiểm tra	Số thuế phải nộp điều chỉnh tăng, giảm; ấn định; số thuế được miễn, giảm cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra thuế
63		Số thuế truy thu, số thuế không được hoàn, số thuế truy hoàn, ấn định, tiền phạt, tiền chậm nộp cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra thuế
64	Dấu hiệu rủi ro theo từng thời kỳ, địa bàn, ngành nghề	Mục tiêu, yêu cầu của quản lý thuế trong từng thời kỳ, địa bàn, ngành nghề
65		Lựa chọn ngẫu nhiên theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ, địa bàn, ngành nghề
66	Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế	Mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế
67	Các dấu hiệu rủi ro theo luật định	Dấu hiệu rủi ro của người nộp thuế được quy định tại các chính sách thuế và chính sách liên quan khác
68	Chỉ tiêu đánh giá khác	Các tiêu chí đánh giá khác